

Bản án số: 485/2024/HS-PT

Ngày: 20/6/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Nam;

Bà Lê Thị Mai.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hải, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 538/2024/TLPT-HS ngày 10 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo Lê Hữu T phạm tội “Giết người” do có kháng cáo của bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2025/HS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

*** Bị cáo kháng cáo và bị kháng cáo:**

Lê Hữu T, tên gọi khác: Không; sinh năm 1964 tại Thanh Hóa;

Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hữu P, sinh năm 1934 và con bà Đỗ Thị V (đã chết); vợ: Lê Thị T1, sinh năm 1966; có 02 con (con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 1993); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/6/2023 đến nay; hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam, Công an tỉnh T, có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Nguyễn Văn L, Luật sư Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T, có mặt.

*** Bị hại:**

1. Chị Lê Thị H, sinh năm 1987 (chết ngày 16/6/2023).

2. Cháu Lê Tê H1, sinh ngày 29/3/2007, có mặt.

*** Người đại diện hợp pháp cho các bị hại có kháng cáo:** Anh Lê Tê H2, sinh năm 1983 (là chồng chị H và bố đẻ cháu H1), có mặt.

Cùng địa chỉ: Khu phố T, thị trấn R, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa.

* *Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị hại:* Ông Nguyễn Văn C, Luật sư Công ty L2, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong quá trình làm ăn kinh doanh, từ tháng 12/2022 chị Lê Thị H vay của Lê Hữu T 650.000.000đ với mục đích để làm ăn kinh doanh; sau khi đến hạn trả nợ mặc dù Lê Hữu T đã nhiều lần yêu cầu nhưng chị H không trả như đã cam kết, nên giữa T và chị H đã xảy ra mâu thuẫn.

Sáng ngày 16/6/2023, Lê Hữu T điện thoại cho chị H đến nhà để thống nhất về việc trả nợ số tiền trên. Khoảng 10 giờ 00 phút cùng ngày, chị H cùng con trai là Lê Tế H1 và cháu Nguyễn Thọ P1 (sinh năm 2008, ở xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa) đến nhà T, giữa T và chị H xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Khi chị H đang ngồi tại bậc tam cấp trước nhà để nói chuyện với Lê Hữu T, thì bị cáo T đã dùng dao (dài 31,5cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 20cm, một lưỡi sắc, mũi nhọn, phần cán dao bằng gỗ dài 11,5cm) đâm 02 nhát vào ngực, bụng chị H. Thấy sự việc xảy ra, cháu Lê Tế H1 chạy vào can ngăn và ôm chị H thì bị T dùng dao đâm 01 nhát vào lưng, H1 tiếp tục ôm, dìu chị H chạy ra cổng thì T đuổi theo đâm 01 nhát vào lưng chị H và 01 nhát vào đùi cháu H1. Khi chị H chạy đến vỉa hè trước cổng thì bị gục xuống, T tiếp tục dùng dao đâm nhiều nhát vào vùng đùi và cẳng tay của chị H. Sau khi thấy chị H bất tỉnh, T nói “chờ cho mày chết rồi tao cũng chết theo” và dùng dao đâm vào vùng bụng mình với ý định tự sát, nhưng được mọi người can ngăn nên T đã nói với Nguyễn Thọ P1 là “vào nhà lấy xe đưa thằng cu (tức H1) đi cấp cứu, trẻ con không có tội”, đồng thời vào sân dắt xe ra đường đưa cho P1 chở H1 đi cấp cứu, sau đó bị cáo đã đến Công an huyện Đ đầu thú,

Hậu quả: Chị Lê Thị H tử vong tại chỗ, cháu Lê Tế H1 bị thương tích được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh T.

Sau khi sự việc xảy ra, Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an tỉnh T đã khám nghiệm hiện trường, thu giữ một số dấu vết, vật chứng, như: Thu giữ chất màu nâu đỏ (dạng máu) để phục vụ công tác điều tra, giải quyết vụ án. Thu giữ 01 con dao có tổng chiều dài khoảng 31,5cm; phần lưỡi dao bằng kim loại dài khoảng 20cm; một lưỡi sắc, mũi nhọn; phần cán dao bằng gỗ dài khoảng 11,5cm.

Tại kết luận giám định số 2597/KL-KTHS ngày 10/7/2023 của Phòng K, Công an tỉnh T kết luận về G (ADN) liên quan cụ thể như sau:

- Mẫu nghi máu thu được tại hiện trường vụ án có kiểu Gen (ADN) trùng khớp với kiểu Gen (ADN) của Lê Hữu T.

- Trên con dao thu được tại hiện trường có kiểu Gen (ADN) trùng khớp với kiểu Gen (ADN) của chị Lê Thị H và Lê Hữu T.

* Khám nghiệm tử thi chị Lê Thị H phát hiện các dấu vết:

- Vết rách da cơ hình bầu dục, kích thước (4,2 x 2,1)cm vùng ngực trái cách núm vú trái 1cm, chiều hướng vết từ ngoài vào trong, từ trước về sau, từ trái qua phải, bờ mép vết sắc gọn;

- Vết rách da cơ hình bầu dục, kích thước (4,1 x 1,2)cm vùng hạ sườn trái cách rốn 12,3cm, chiều hướng vết từ ngoài vào trong, từ trước về sau, từ trái qua phải, bờ mép vết sắc gọn;

- Vết rách da cơ không rõ hình, kích thước (8,5 x 2,5)cm mặt trước 1/3 dưới cẳng tay phải, chiều hướng vết từ trên xuống dưới, từ trước về sau, bờ mép vết sắc gọn;

- Vết rách da cơ không rõ hình, kích thước (5,5 x 3)cm mặt trong 1/3 dưới cẳng tay trái, chiều hướng vết từ trên xuống dưới, từ trước về sau, bờ mép vết sắc gọn;

- Vết rách da hình bầu dục, kích thước (2,5 x 1,5)cm mặt trước 1/3 giữa đùi phải, chiều hướng vết từ trước về sau, từ trái qua phải, bờ mép vết sắc gọn;

- Vết rách da không rõ hình, kích thước (5,1 x 1,5)cm mặt trước gối phải, chiều hướng vết từ trước về sau, từ dưới lên trên, bờ mép vết sắc gọn;

- Vết rách da hình bầu dục, kích thước (4,5 x 1,2)cm vùng trên lưng trái, chiều hướng vết từ sau về trước, từ phải qua trái, bờ mép vết sắc gọn.

* Tại kết luận giám định tử thi số 2440/KL-KTHS ngày 28/6/2023 của Phòng K, Công an tỉnh T kết luận: Nguyên nhân chết của chị Lê Thị H do “Suy tuần hoàn, suy hô hấp cấp do các vết thương xuyên thấu tim, phổi, gan, dạ dày”.

* Tại kết luận giám định số 2417/KL-KTHS ngày 26/6/2023 của Phòng K, Công an tỉnh T kết luận về nồng độ cồn trong máu và chất ma túy trong nước tiểu của Lê Hữu T như sau:

- Mẫu máu của Lê Hữu T gửi giám định không có cồn.

- Mẫu nước tiểu của Lê Hữu T gửi giám định không tìm thấy chất ma túy: MDA, MDMA, Ketamine, A, M.

* Tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể cháu Lê Tế H1 do cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Đ lập hồi 12 giờ 00 phút ngày 16/6/2023 tại Bệnh viện đa khoa huyện Đ xác định: “Mặt trước trong 1/3 giữa đùi trái có 01 vết thương, kích thước (5 x 3)cm. Vùng trên trong xương bả vai có 01 vết thương kích thước (4 x 2,5)cm, rách da, bao cơ”.

Tại Bản kết luận giám định pháp y số 1306/KLTTCT-PYTH ngày 31/8/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh T kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương trên cơ thể của cháu Lê Tế H1 tại thời điểm giám định là 12% (mười hai phần trăm).

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2024/HS-ST ngày 22/3/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã quyết định: Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều

51; điểm e khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố: Bị cáo Lê Hữu T phạm tội “Giết người” và tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Hữu T 20 (hai mươi) năm tù về tội “Giết người”, 02 (hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, tổng hợp hình phạt của 02 tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 22 (hai mươi hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 16/6/2023).

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho gia đình người bị hại và cháu Lê Tế H1 (do anh Lê Tế H2 và chị Lê Thị Ngọc H3 đại diện) tổng số tiền 329.800.000đ (ba trăm hai mươi chín triệu, tám trăm nghìn đồng), đã bồi thường 128.000.000đ (một trăm hai mươi tám triệu), còn phải bồi thường tiếp 201.800.000đ (hai trăm linh một triệu, tám trăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo phải cấp dưỡng cho cháu Lê Tế H1 mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng), thời gian kể từ ngày 16/6/2023 cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về lãi suất chậm thi hành án, xử lý vật chứng, nghĩa vụ chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/4/2024, bị cáo Lê Hữu T có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt; ngày 27/3/2024, đại diện hợp pháp cho các bị hại là ông Lê Tế H2 có đơn kháng cáo đề nghị thay đổi tội danh đối với bị cáo Lê Hữu T từ tội “Cố ý gây thương tích” sang tội “Giết người”, đồng thời tăng hình phạt đối với bị cáo, tăng mức bồi thường.

Tại phiên tòa phúc thẩm những người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Bị cáo Lê Hữu T trình bày: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Tòa án cấp sơ thẩm quy kết. Tuy nhiên, với mức hình phạt như Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là quá nghiêm khắc; vì do bức xúc trong việc bị hại nợ tiền bị cáo nhưng bị cáo đòi nhiều lần, bị hại vẫn không trả mà còn bảo bỏ đi miền nam để trốn tránh việc trả nợ; hoàn cảnh gia đình của bị cáo hết sức khó khăn, mẹ mất sớm, bố già yếu thường xuyên ốm đau, bản thân bị cáo là trụ cột chính của gia đình, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện hợp pháp cho bị hại trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại tội danh “Cố ý gây thương tích” đối với bị cáo. Bởi vì, Lê Hữu T đã dùng dao đâm vào vai cháu Lê Tế H1, liền sau đó truy sát và đâm nhiều nhát vào người cháu, đồng thời đâm và rạch vào đùi dẫn đến cháu H1 bị mất máu quá nhiều, do được đi cấp cứu kịp thời nên cháu H1 không chết là nằm ngoài ý muốn chủ quan của bị cáo. Đối với hành vi giết người của bị cáo Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 20 năm tù là chưa phù hợp. Bởi vì, bị cáo phải chịu nhiều tình tiết định khung tăng nặng là: Giết 02 người trở lên, thực hiện tội phạm một cách man rợ; đồng thời phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là cố tình thực hiện tội phạm đến cùng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm tăng hình phạt của bị cáo lên mức tử hình.

Đối với Trách nhiệm dân sự, với mức cấp dưỡng cho cháu H4 2.000.000đ/ tháng là thấp, không phù hợp với thu nhập, cũng như chi phí thực tế tại địa phương, nên đề nghị tăng lên mức 3.000.000đ/ tháng; các khoản khác bản án sơ thẩm buộc là phù hợp, nên ông H2 không kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án và kết luận:

- Về tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định; kháng cáo của bị cáo và đại diện hợp pháp của người bị hại trong hạn luật định và phù hợp về hình thức nên được chấp nhận để xem xét.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá nguyên nhân, tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội; các tình tiết giảm nhẹ, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm và căn cứ kháng cáo, có đủ căn cứ kết luận: Bị cáo Lê Hữu T bị xử phạt về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 và tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật; Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên xử phạt bị cáo mức hình phạt 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại không xuất trình thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới, nên không có cơ sở chấp nhận tăng hình phạt đối với tội này. Đối với tội “Giết người”, Tòa án cấp sơ thẩm tuy đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhưng chưa đánh giá đúng tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, để xử phạt bị cáo 20 năm tù là có phần nương nhẹ, tại cấp phúc thẩm tuy người bào chữa cho bị cáo xuất trình biên lai thể hiện, sau khi xét xử sơ thẩm gia đình bị cáo đã nộp số tiền 30.000.000đ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa để bồi thường cho bị hại, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cho rằng không do bị cáo tác động, nên có căn cứ chấp nhận một kháng cáo của đại diện bị hại để tăng hình phạt lên mức tù chung thân đối với bị cáo về tội “Giết người”.

Về trách nhiệm dân sự, tại phiên tòa phúc thẩm đại diện bị hại khẳng định chỉ kháng cáo đề nghị tăng mức cấp dưỡng cho cháu H1 lên mức 3.000.000đ, xét thấy mức cấp dưỡng như bản án sơ thẩm đã buộc là phù hợp với thu nhập thực tế tại địa phương, còn các khoản khác không có yêu cầu nên không xem xét. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Hữu T, chấp nhận một phần kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại, sửa bản án sơ thẩm tăng hình phạt lên tù chung thân đối với bị cáo về tội “Giết người”, giữ nguyên các quyết định khác của bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Hữu T trình bày bài bào chữa: Không đồng tình với đại diện Viện kiểm sát. Bởi vì, việc vay nợ giữa bị cáo với chị H là có căn cứ, hồ sơ đã thể hiện đầy đủ chứng cứ; việc gia đình bị cáo nộp số tiền 30.000.000đ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa là do tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã trực tiếp tác động với gia đình, nên gia đình bị cáo mới nộp; bị cáo có nhân thân tốt, có thời gian tham gia quân ngũ; quá trình sinh sống tại địa

phương có tinh thần thiện nguyện. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên mức bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị hại trình bày:

Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc vay tiền giữa bị cáo và chị H dẫn đến bị cáo đã dùng dao là hung khí nguy hiểm đâm nhiều nhát vào người chị H; khi cháu H1 vào can, dìu mẹ thì bị cáo đâm cháu H1; bị cáo là người đã chủ động gọi chị H sang nói mua bò, nhưng khi sang lại yêu cầu trả nợ nếu không sẽ giết; hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng đã gây ra các vết thương chí mạng trên người bị hại, bị cáo phạm tội đến cùng, hung hãn. Luật sư đồng tình với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, nhưng với mức hình phạt tù chung thân như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là chưa phù hợp, cần phải tăng lên mức cao nhất của khung hình phạt. Đối với tội “Cố ý gây thương tích” Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xử phạt bị cáo 02 năm tù là chưa tương xứng. Bởi vì, bị cáo phải chịu 02 tình tiết định khung tăng nặng, nên đề nghị tăng hình phạt.

Đối với trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện bị hại chỉ yêu cầu tăng mức cấp dưỡng cho cháu H1 lên mức 3.000.000đ, thấy yêu cầu này là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ phân tích trên, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của đại diện bị hại, tăng hình phạt hình phạt lên mức tử hình đối với tội “Giết người” và tăng hình phạt tù đối với tội “Cố ý gây thương tích”, tăng mức cấp dưỡng cho cháu H1 lên mức 3.000.000đ/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Hữu T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như mô tả và quy kết của bản án sơ thẩm. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của chính bị cáo tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai của bị hại, những người làm chứng; các biên bản, sơ đồ và bản ảnh khám nghiệm hiện trường; các bản kết luận giám định; các tang vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có cơ sở xác định: Xuất phát từ việc chị Lê Thị H vay tiền của bị cáo, sau nhiều lần yêu cầu nhưng chị H không trả và dọa sẽ bỏ đi miền N để không trả khoản nợ này, dẫn đến giữa bị cáo và chị H đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn về việc vay nợ số tiền trên. Sáng ngày 16/6/2023, bị cáo gọi điện cho chị H đến nhà để thống nhất

về việc trả nợ. Khoảng 10 giờ 00 phút cùng ngày, chị H cùng con trai là Lê Tế H1 và cháu Nguyễn Thọ P1 (cháu chị H) đến nhà bị cáo, giữa bị cáo và chị H xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Khi chị H đang ngồi tại bậc tam cấp trước nhà bị cáo, bị cáo đã dùng dao (dài 31,5cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 20cm, một lưỡi sắc, mũi nhọn, phần cán dao bằng gỗ dài 11,5cm) đâm 02 nhát vào ngực, bụng chị H. Cháu Lê Tế H1 chạy vào can ngăn và ôm chị H thì bị cáo dùng dao đâm 01 nhát vào lưng cháu H1. H1 tiếp tục ôm, dìu chị H chạy ra cổng thì bị cáo đuổi theo đâm 01 nhát vào lưng chị H và 01 nhát vào đùi cháu H1. Khi chị H chạy đến vỉa hè trước cổng thì bị gục xuống, bị cáo tiếp tục dùng dao đâm liên tiếp nhiều nhát vào vùng đùi và cẳng tay của chị H rồi dùng dao đâm vào vùng bụng mình để tự sát, nhưng được mọi người can ngăn nên bị cáo đã đến Công an huyện Đ đầu thú, đồng thời nói với P1 đưa cháu H1 đi cấp cứu. Hậu quả: Chị Lê Thị H tử vong tại chỗ, cháu H1 bị tổn hại 12% sức khỏe. Hành vi nêu trên của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” và tội “Cố ý gây thương tích”, Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo với tội danh nêu trên theo quy định tại Điều 123 và Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan.

[3] Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhất trong vay tiền mà bị cáo đã dùng dao là hung khí nguy hiểm, đâm vào vùng ngực, bụng, lưng và chân tay là vùng trọng yếu trên cơ thể của bị hại dẫn đến chị H tử vong, khi cháu Lê Tế H1 vào can ngăn thì bị cáo đâm trúng người cháu H1. Hành vi đó của bị cáo đã xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác một cách trái pháp luật; cấp sơ thẩm quy kết bị cáo theo điểm n khoản 1 Điều 123; điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Hữu T và đại diện hợp pháp cho bị hại là ông Lê Tế H2, thấy:

[4.1] Đối với kháng cáo đề nghị thay đổi tội danh từ tội “Cố ý gây thương tích” sang tội “Giết người” thấy: Xuất phát từ mâu thuẫn giữa bị cáo với bị hại Lê Thị H, bị cáo đã dùng dao đâm vào người chị H, khi thấy mẹ bị đâm cháu Lê Tế H1 đã vào can ngăn thì bị Lê Hữu T đâm trúng lưng cháu H1, cháu H1 dìu chị H chạy ra cổng thì bị cáo đuổi theo mục đích đâm chị H, trong đó có 01 nhát trúng vào đùi cháu H1. Như vậy, xét về hành vi của bị cáo chỉ nhằm mục đích đâm chị H, việc bị cáo đâm trúng cháu H1 là do cháu vào can ngăn, dìu mẹ bỏ chạy nên đã bị T đâm trúng; mặc dù bị cáo dùng dao là hung khí nguy hiểm nhưng bị cáo không cố ý đâm trúng vào vị trí cụ thể nào trên cơ thể của cháu H1; thương tích của cháu H1 do bị cáo gây ra không thuộc những vùng trọng yếu trên cơ thể của con người theo hướng dẫn tại Công văn số 100/TANDTC-PC, ngày 13/6/2023 của Tòa án nhân dân tối cao. Hơn nữa, mặc dù bị cáo T đâm 02 nhát trúng vào người cháu H1, nhưng sau đó bị cáo đã bảo cháu Nguyễn Thọ P1, đồng thời lấy xe máy ra ngoài để cháu P1 đưa cháu H1 đi cấp cứu và hậu quả Lê Tế H1 chỉ bị tổn hại 12% sức khỏe. Do đó, hành vi này của bị cáo chỉ đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” như cấp sơ thẩm quy kết là có căn cứ. Tuy nhiên, bị cáo phải chịu 02 tình tiết định khung được quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự là: “Dùng hung khí nguy hiểm” và “Có tính chất côn

đề”, nên cấp sơ thẩm quy kết bị cáo theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự là đúng quy định, nhưng với mức hình phạt 02 năm tù là có phần nương nhẹ, nên có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của ông H2 để tăng hình phạt đối với bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích”.

[4.2] Đối với kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo, cũng như kháng cáo đề nghị tăng hình phạt của đại diện bị hại về tội “Giết người”, thấy: Như đã phân tích ở trên thì cấp sơ thẩm quy kết bị cáo về tội “Giết người” và tội “Cố ý gây thương tích” là đúng pháp luật; khi xét xử Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tích chất, hình vi phạm tội của bị cáo; đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, như: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng” theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; về các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận với việc làm của mình; sau khi phạm tội đã đầu thú; tác động gia đình bồi thường 01 phần cho gia đình người bị hại; quá trình sinh sống ở địa phương tích cực tham gia các phong trào thiện nguyện, đóng góp ủng hộ quỹ phòng chống dịch bệnh Covid 19 tại địa phương; có bố để tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất; trong vụ án này, xét nguyên nhân dẫn đến sự việc trên một phần cũng do lỗi của bị hại trong việc vay tiền bị cáo nhưng không thanh toán, còn có lời nói đe dọa bị cáo bỏ đi miền nam nhằm trốn tránh việc trả nợ, làm cho bị cáo bức xúc; đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã tiếp tục tác động với gia đình, nên sau khi xét xử sơ thẩm gia đình bị cáo tiếp tục nộp số tiền 30.000.000đ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa để bồi thường cho phía bị hại, điều đó thể hiện bị cáo đã thật sự hối hận và ăn năn hối cải. Từ đó thấy mức hình phạt của bị cáo như bản án sơ thẩm là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo; tại cấp phúc thẩm không có thêm tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ nào mới có ý nghĩa đặc biệt trong việc quyết định hình phạt, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của đại diện bị hại đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo, cũng như kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[4.3] Đối với kháng cáo của đại diện hợp pháp cho bị hại liên quan đến trách nhiệm dân sự, thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người bị hại. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho gia đình chị Lê Thị H và cháu Lê Tế H1 các khoản chi phí mai táng, chi phí điều trị, chi phí hợp lý khác và tổn thất tinh thần theo quy định pháp luật; đại diện hợp pháp cho bị hại công nhận mức bồi thường như bản án sơ thẩm là phù hợp nên tại phiên tòa phúc thẩm, ông H2 không có yêu cầu các khoản bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với khoản cấp dưỡng cho cháu H1 là 2.000.000đ/ tháng Hội đồng xét xử thấy: Khi còn sống chị Lê Thị H và anh Lê Tế H2 có nghĩa vụ nuôi dưỡng cháu Lê Tế H1 (chưa đủ tuổi thành niên) là con đẻ của anh H2, chị H. Theo quy định của pháp luật bố, mẹ đều có trách nhiệm nuôi dưỡng con ngang nhau, nên ngoài chị H thì ông H2 còn phải có trách nhiệm nuôi dưỡng đối với cháu Lê Tế

H1; xét thu nhập bình quân tại địa phương, cũng như theo mức lương cơ sở do Nhà nước quy định thì thấy mức cấp dưỡng cho cháu H1 2.000.000đ/ tháng là phù hợp; tại phiên tòa phúc thẩm đại diện bị hại không cung cấp được chứng cứ gì mới làm căn cứ, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của đại diện bị hại.

Tổng hợp các phân tích trên thấy rằng, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo; có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Tế H2 để tăng hình phạt đối với tội “Cố ý gây thương tích”, không có căn cứ chấp nhận các nội dung kháng cáo khác của ông Lê Tế H2. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo là có căn cứ.

[5] Do gia đình bị cáo đã nộp số tiền 30.000.000đ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa, nên gia đình bị hại được quyền nhận số tiền này.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật, đại diện bị hại kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Hữu T, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Tế H2 là đại diện hợp pháp của bị hại; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2022/HS-ST ngày 22/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Cụ thể:

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố: Bị cáo Lê Hữu T phạm tội “Giết người” và tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Hữu T 20 (hai mươi) năm tù về tội “Giết người”, 03 (ba) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, tổng hợp hình phạt của 02 tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 23 (hai mươi ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 16/6/2023).

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Hữu T phải cấp dưỡng cho cháu Lê Tế H1 mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng), thời gian kể từ ngày 16/6/2023 cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi.

Ghi nhận bị cáo đã nộp số tiền 30.000.000đ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa theo biên lai số 0000133, ngày 05/6/2024; ông Lê Tế H2 là đại diện hợp pháp cho bị hại được quyền nhận số tiền này.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, bị hại, đại diện hợp pháp cho bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chưa thi hành khoản tiền phải thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Bị cáo Lê Hữu T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm; đại diện hợp pháp cho bị hại không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKS cấp cao Hà Nội;
- Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Trại Tạm giam tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan THA HS, Công an Thánh Hóa;
- Tòa án tỉnh Thanh Hóa;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Người tham gia tố tụng (theo địa chỉ);
- Bị cáo (qua Trại Tạm giam);
- Lưu: HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Duy Nhiệm